TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 2684/2023/KDTM-ST
Ngày: 28/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Bùi Thị Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Võ Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 195/2022/TLST-KDTM ngày 14/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3161/2023/QĐXXST-KDTM ngày 05/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3634/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty K
Địa chỉ trụ sở: Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Ông Lê Hồng S, sinh năm 1975 (có mặt)
Địa chỉ: Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty C
(Tên cũ là Công ty G)
Địa chỉ trụ sở: phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Choo Sung J, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Địa chỉ: phường M, quận N, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê Hồng S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty K (sau đây gọi tắt là Công ty K) và Công ty C (sau đây gọi tắt là Công ty C) có ký hợp đồng nguyên tắc cho thuê tài sản số 140621/HDTTS/KL-HG ngày 14/6/2021, với nội dung Công ty K cho Công ty C thuê các thiết bị xây dựng phục vụ việc thi công công trình của Công ty C; số lượng đơn hàng theo từng đơn đặt hàng thực tế giữa hai bên, chất lượng hàng hóa, chi phí vận chuyển theo sự thỏa thuận giữa hai bên. Thời gian thuê sẽ theo tiến độ dự án và yêu cầu của bên thuê. Việc thanh toán tiền thuê được tính toán dựa trên số lượng tài sản thuê nhân với đơn giá thuê và thanh toán trong thời hạn 15-20 ngày kể từ ngày bên thuê nhận được hồ sơ thanh toán đầy đủ, hợp lệ.

Từ tháng 6/2021 đến tháng 7/2022, Công ty C đã đặt 08 đơn hàng có thể hiện cụ thể số lượng, chất lượng và thời gian thuê, chi phí vận chuyển. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty K đã luôn thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ của mình, tuân thủ đúng các điều khoản của hợp đồng đã ký. Công ty K đã giao đủ hàng theo đúng các đơn đặt hàng của Công ty C. Phía Công ty C cũng đã nhận đủ hàng theo các đơn đặt hàng. Công ty K cũng đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) cho Công ty C theo quy định. Tổng số tiền mà Công ty C thuê tài sản của Công ty K tính đến ngày 29/7/2022 là 2.451.248.395 đồng. Công ty C đã thanh toán được số tiền là 886.908.550 đồng (trong đó gồm thanh toán tiền thuê tài sản là 298.709.290 đồng và thanh toán tiền đặt cọc là 588.199.260 đồng); số tiền thuê thiết bị mà Công ty C còn nợ và phải trả cho Công ty K (sau khi trừ đi số tiền đã thanh toán và đặt cọc) tính đến ngày 29/7/2022 là 1.564.339.845 đồng. Công ty K đã nhiều lần đề nghị Công ty C thanh toán dứt điểm số tiền 1.564.339.845 đồng nhưng đến ngày 22/8/2022 Công ty C vẫn chưa thực hiện.

Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nay Công ty K đề nghị Tòa án buộc Công ty C phải trả cho Công ty K số tiền thuê tài sản còn nợ là 1.564.339.845 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn Công ty C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ

Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng :

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty K yêu cầu bị đơn Công ty C trả số tiền thuê tài sản còn nợ là 1.564.339.845 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Công ty C (tên cũ: Công ty G) (mã số doanh nghiệp: 0314518272) có địa chỉ trụ sở tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Bị đơn Công ty C có người đại diện theo pháp luật là ông Choo Sung J đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Công ty C.

[2]. Về nội dung:

Bị đơn Công ty C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ thuê tài sản là 1.564.339.845 đồng:

Căn cứ vào hợp đồng nguyên tắc số 140621/HDTTS/KL-HG ngày 14/6/2021 được ký kết giữa Công ty K (Bên A – bên cho thuê) và Công ty C (có tên cũ là Công ty G là bên B – bên thuê) có nội dụng: Bên B đồng ý thuê và bên A đồng ý cho thuê các thiết bị xây dựng phục vụ việc thi công các công trình của bên B. Số lượng theo từng đơn đặt hàng thực tế của bên B; chất lượng theo thỏa thuận của hai bên thể hiện trên từng đơn đặt hàng; chi tiết từng loại thiết bị thuê, đơn giá thuê sẽ được thể hiện trên từng đơn hàng cụ thể. Đơn đặt hàng là một bộ phận không tách rời khỏi hợp đồng và có giá trị như hợp đồng; chi phí vận chuyển theo thỏa thuận trên từng đơn đặt hàng. Thời gian thuê sẽ theo tiến độ dự

án và yêu cầu của bên thuê.

Thực hiện hợp đồng trên, nguyên đơn và bị đơn đã ký 08 đơn đặt hàng, cụ thể đơn đặt hàng 01 ngày 14/6/2021; đơn đặt hàng 02 ngày 21/10/2021; đơn đặt hàng 03 ngày 02/11/2021; đơn đặt hàng 04 ngày 05/11/2021; đơn đặt hàng 05 ngày 13/11/2021; đơn đặt hàng 06 ngày 25/11/2021; đơn đặt hàng 07 ngày 15/12/2021; đơn đặt hàng 08 ngày 24/02/2022. Mỗi đơn đặt hàng đều thể hiện rõ việc bị đơn thuê của nguyên đơn các loại thiết bị xây dựng, quy cách, số lượng, đơn giá thuê, phí vận chuyển, cũng như chỉ định người nhận hàng của bên bị đơn. Theo thỏa thuận, nguyên đơn đã giao hàng đúng như nội dung yêu cầu tại các đơn đặt hàng của bị đơn và bị đơn cũng đã nhận đầy đủ các thiết bị theo các đơn hàng đã đặt (thể hiện cụ thể tại các phiếu giao nhận thiết bị, bảng tổng hợp chi phí thuê thiết bị). Nguyên đơn cũng đã xuất đầy đủ các hóa đơn GTGT cho bị đơn. Tổng giá trị các thiết bị mà bị đơn đã thuê của nguyên đơn là 2.451.248.395 đồng. Trong thời gian thực hiện hợp đồng thuê tài sản, từ ngày 17/6/2021 đến ngày 28/12/2021, bị đơn nhiều lần thanh toán tiền thuê thiết bị xây dựng bằng hình thức chuyển khoản cho nguyên đơn số tiền là 298.709.290 đồng và tiền đặt cọc 588.199.260 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ hợp đồng nguyên tắc số 140621/HDTTS/KL-HG ngày 14/06/2021 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn, căn cứ vào các đơn đặt hàng, phiếu giao nhận hàng giữa nguyên đơn và bị đơn, các hóa đơn GTGT nguyên đơn xuất cho bị đơn, cũng như các lần bị đơn chuyển khoản trả tiền thuê tài sản cho nguyên đơn, có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch cho thuê tài sản; có việc bị đơn đặt 08 đơn hàng với mục đích để thuê các thiết bị của nguyên đơn nhằm phục vụ công tác thi công xây dựng công trình của bị đơn. Nguyên đơn đã giao hàng, bị đơn đã nhận hàng theo các phiếu giao hàng với tổng số tiền thuê tài sản là 2.451.248.395 đồng và bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tiền thuê tài sản là 298.709.290 đồng, tiền cọc 588.199.260 đồng, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền thuê tài sản là 1.564.339.845 đồng. Việc bị đơn không thanh toán tiền thuê tài sản, kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, do đó căn cứ vào các Điều 269, Điều 270 và Điều 271 Luật Thương mại năm 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019), Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại là 58.930.195 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 269; Điều 270; Điều 271 Luật Thương mại năm 2005 (đã được sửa đổi năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty K về việc "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản" với bị đơn Công ty C.

Buộc bị đơn Công ty C phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty K số tiền 1.564.339.845 (một tỷ, năm trăm sáu mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại là 58.930.195 (năm mươi tám triệu, chín trăm ba mươi nghìn, một trăm chín mươi lăm) đồng.

Hoàn trả cho Công ty K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.465.098 (hai mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm chín mươi tám) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0006095 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Đoàn